

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi**  
**giai đoạn 2026 - 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018;*

*Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, tạm ứng, thanh quyết toán và quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2983/TTr-SCT ngày 03/12/2025 và ý kiến thống nhất của thành viên UBND tỉnh.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c)
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Lưu: VT, CNXD. pbc1019

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Phước Hiền**

**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI  
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(kèm theo Quyết định số..... /QĐ-UBND ngày ...../12/2025 của UBND tỉnh)*

**I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Mục tiêu chung:**

a) Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nhanh, hiệu quả, bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

b) Đẩy mạnh các hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp, theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm công nghiệp nông thôn (CNNT);

c) Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững hướng đến các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp các bon thấp gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững;

d) Tạo điều kiện cho các cơ sở CNNT trong việc tiếp cận các cơ hội phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh.

**2. Mục tiêu cụ thể:**

a) Xây dựng được 04 mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới và công nghệ mới trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 60 cơ sở CNNT; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững cho 15 cơ sở CNNT.

b) Tổ chức được 03 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh;

c) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải cho 03 cụm công nghiệp;

d) Tổ chức 01 hội nghị để đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

đ) Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi ngành hàng, chuỗi giá trị.

**II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN**

1. Phạm vi của Chương trình: Thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu, các làng nghề được UBND tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn - viết tắt là cơ sở CNNT);

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

c) Nghề nhân dân, nghề nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

d) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

### **III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Tập trung đẩy mạnh các hoạt động khuyến công giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung chủ yếu như sau:

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới và công nghệ mới trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững:

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới và công nghệ mới: Ưu tiên hỗ trợ xây dựng các mô hình về chế biến nông lâm, thủy sản, mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn;

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Ưu tiên hỗ trợ đầu tư mới, đầu tư nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và tăng giá trị sản phẩm;

c) Hỗ trợ xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; phổ biến, đào tạo, tập huấn cho các cơ sở CNNT tiếp cận các nội dung về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh;

b) Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm;

c) Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ;

d) Tổ chức hội chợ triển lãm hàng CNNT; hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến, giới thiệu sản phẩm CNNT.

đ) Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân Ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ;

e) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong việc truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở CNNT

a) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn;

b) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

4. Hỗ trợ tư vấn thông tin phát triển công nghiệp nông thôn

a) Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương của tỉnh Quảng Ngãi;

b) Hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn trong lĩnh vực thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói sản phẩm, ưu tiên hỗ trợ cho các sản phẩm truyền thống, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP.

5. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý, năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Tổ chức khảo sát các cơ sở công nghiệp nông thôn; học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công tại các tỉnh, thành phố cho các cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ thực hiện công tác về công nghiệp, khuyến công; tổ chức tập huấn chuyên đề về công tác khuyến công; tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo đánh giá tổng kết về các hoạt động khuyến công;

b) Kiểm tra, giám sát, quản lý chương trình, đề án khuyến công.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, vốn của các đơn vị thụ hưởng chính sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Công Thương là cơ quan thường trực, chủ trì triển khai Chương trình khuyến công tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình được phê duyệt theo quy định; tham mưu UBND tỉnh xây dựng,

sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh đảm bảo quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối kinh phí của địa phương.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện các nội dung có trong Chương trình này theo quy định.

4. UBND các xã, phường và đặc khu

a) Chỉ đạo phòng chuyên môn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị, các cơ sở CNNT trên địa bàn có nhu cầu, tham gia đăng ký kế hoạch khuyến công hằng năm theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cho các cơ sở CNNT và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động khuyến công trên địa bàn.

c) Tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các đề án khuyến công để triển khai thực hiện.

5. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh căn cứ mục tiêu, nội dung của Chương trình này, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm theo yêu cầu; chịu trách nhiệm quản lý, đánh giá việc thực hiện các đề án được hỗ trợ; hướng dẫn, ký kết hợp đồng tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công đã được phê duyệt; tổng kết, báo cáo kết quả hoạt động khuyến công hằng năm trên địa bàn tỉnh gửi Sở Công Thương để báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh theo quy định.

6. Các cơ sở công nghiệp nông thôn căn cứ nội dung Chương trình khuyến công giai đoạn 2026 - 2030, các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn xây dựng, đăng ký đề án khuyến công cụ thể, thiết thực và tham gia thực hiện đạt hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện Chương trình này, trường hợp, khó khăn vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo hoặc báo cáo Bộ Công Thương để được hướng dẫn thực hiện./.